

Số: 332/BC-UBND

Nga Sơn, ngày 05 tháng 9 năm 2018

BÁO CÁO

Tình hình phát triển hợp tác xã trên địa bàn huyện Nga Sơn

Thực hiện Công văn số 4237/SKHĐT- ĐKKD ngày 17/08/2018 của Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thanh Hóa về việc báo cáo tình hình phát triển hợp tác xã trên địa bàn, UBND huyện Nga Sơn báo cáo một số nội dung cụ thể như sau:

1. Tình hình phát triển Hợp tác xã trên địa bàn.

Tính đến ngày 31/7/2018 trên địa bàn toàn huyện có 33 hợp tác xã, trong đó có 27 hợp tác xã nông nghiệp, 01 hợp tác xã nông nghiệp và thủ công cói mỹ nghệ, 01 hợp tác xã thu mua hàng nông sản, 01 hợp tác xã thương nghiệp, 02 hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp (ngừng hoạt động và đã chấp dứt hiệu lực MST), 01 hợp tác xã vận tải (ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấp dứt MST). Trong 6 tháng đầu năm 2018 trên cả huyện có 01 hợp tác xã thành lập mới. Đến nay cả huyện có 29 hợp tác xã đã chuyển đổi theo luật HTX 2012, 01 hợp tác xã đang thực hiện thủ tục chuyển đổi theo Luật HTX 2012.

Tình hình phát triển hợp tác xã nông nghiệp 6 tháng đầu năm 2018 có chuyển biến tích cực. Tổng số lao động là 554 người, nguồn vốn kinh doanh 37.656 triệu. Doanh thu 6 tháng đầu năm 2018 đạt 29.734 triệu, lợi nhuận trước thuế đạt 988 triệu, nộp ngân sách là 9.4 triệu đồng.

2. Những vướng mắc, khó khăn.

- Sau khi Luật HTX năm 2012 có hiệu lực, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ các HTX gồm có : Bồi dưỡng nguồn nhân lực, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, ứng dụng khoa học- kỹ thuật và công nghệ... Kết quả thực hiện các chính sách còn nhiều hạn chế, chưa thật sự tạo động lực thúc đẩy cho HTX phát triển.

- Tài sản, vốn kinh doanh của HTX thấp, khó tiếp cận nguồn vốn vay nên thiếu vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Giá trị tài sản chủ yếu ở dạng công trình giao thông, thủy lợi được UBND xã giao quản lý và sử dụng nên HTX thiếu tài sản để thế chấp vay vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, mà phải đi mượn sổ đỏ các hộ thành viên để thế chấp vay vốn nên không chủ động được nguồn vốn sản xuất, kinh doanh.

- Về mô hình HTX hoạt động sản xuất, kinh doanh còn dàn trải, chưa có lĩnh vực mũi nhọn đạt hiệu quả cao để thu hút các thành viên tham gia, thu hút được vốn đóng góp của thành viên của HTX.

- Về bao tiêu sản phẩm cho thành viên, nông dân theo hợp đồng được khoảng 10-20%, số còn lại chủ yếu thông qua thị trường tự do.

- Một số chính sách hỗ trợ phát triển HTX theo Luật 2012 thực hiện còn hạn chế.

- Hệ thống giao thông thủy lợi nội đồng khai thác nhiều năm đã xuống cấp nên cần tu sửa nâng cấp.

3. Những kiến nghị, đề xuất

- Đề nghị các cấp chính quyền hỗ trợ kinh phí tu sửa, nâng cấp trụ sở làm việc, xây mới kho bán hàng. Đồng thời tạo điều kiện trích nguồn quỹ đất nông nghiệp để HTX có khả năng sản xuất mô hình cây trồng thí điểm, để nhân rộng cho nhân dân yên tâm sản xuất cây hàng hóa có giá trị kinh tế cao

- Đề nghị các cấp chính quyền đầu mối, hỗ trợ, tạo điều kiện cho HTX vay vốn sản xuất kinh doanh.

- Giải quyết các cơ chế hỗ trợ các HTX theo quy định hiện hành.

Vậy UBND huyện Nga Sơn báo cáo sở Kế hoạch – Đầu tư tổng hợp báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Phòng Đăng ký KD SKHĐT;

- CT, các PCT UBND huyện;

- Lưu: VT, TCKH.

KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Thịnh Văn Huyền

BIỂU TỔNG HỢP CHI TIẾT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ ĐẾN 30/6/2018
(Kèm theo văn bản số: 33/UBND - TCKH ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện)

Số TT	Tên hợp tác xã	Lĩnh vực hoạt động	Tổng số lao động		Nguồn vốn		Doanh thu 6 tháng đầu năm 2018 (triệu đồng)	Lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu năm 2018 (triệu đồng)	Nộp ngân sách 6 tháng đầu năm 2018 (triệu đồng)	Thu nhập bình quân của người lao động / tháng (triệu đồng)
			Tổng số	Trong đó: lao động nữ	Tổng cộng	Trong đó: vốn điều lệ (1)				
I	Khối HTX NN		524	98	32.656	6.204	24.434	968	5,4	44,176
1	HTX NN Nga Hưng	Dịch vụ nông nghiệp	30	4	867	184	764,753	60	0	2,2
2	HTX NN Nga Trung	Dịch vụ nông nghiệp	6	1	1.574	109	503,2	11,5	0	1,65
3	HTX NN Nga Yên	Dịch vụ nông nghiệp	7	2	2.325	150	1.260	40	0	2,5
4	HTX NN Nga Giáp	Dịch vụ nông nghiệp	6	1	971	204	1.017	30	0	2
5	HTX NN Nga Nhân	Dịch vụ nông nghiệp	20	6	326	285	250	-	0	1
6	HTX NN Nga Trường	Dịch vụ nông nghiệp	7	4	750	120	3.000	60	0	2,2
7	HTX NN Nga Phú	Dịch vụ nông nghiệp	81	4	1.300	960	1.500	57	0	2,58
8	HTX NN Nga Liên	Dịch vụ nông nghiệp - quản lý điện	27	5	952	270	3.382	54	5,4	2
9	HTX NN Nga Thái	Dịch vụ nông nghiệp	52	7	760	300	1.179	25	0	2,5
10	HTX NN Nga Mỹ	Dịch vụ nông nghiệp	5	1	215	23	321	39	0	1,3
11	HTX NN Nga Vĩnh	Dịch vụ nông nghiệp	12	4	1.066	112	679	25	0	2
12	HTX NN Nga Thiện	Dịch vụ nông nghiệp	5	3	771	83	701	19	0	0,860
13	HTX NN Nga Tiến	Dịch vụ nông nghiệp	16	1	1.084	500		9		1,67
14	HTX NN Nga An	Dịch vụ nông nghiệp	23	5	4.133	250	1.341	21	0	2,1
15	HTX NN Nga Thắng	Dịch vụ nông nghiệp	14	2	930	270	1.014	22	0	1,7
16	HTX NN Nga Thanh	Dịch vụ nông nghiệp - quản lý điện	8	0	2.044	613	2.489	186	0	1,5
17	HTX NN Nga Văn	Dịch vụ nông nghiệp	19	3	90	90	706	1	0	1

18	HTX NN Nga Lĩnh	Dịch vụ nông nghiệp	17	5	110	110	128	15	0	1
19	HTX NN Ba Đình	Dịch vụ nông nghiệp	24	5	743	500	1.067	15	0	2,566
20	HTX NN Nga Thạch	Dịch vụ nông nghiệp	6	2	345	84	540	9	0	2,05
21	HTX NN Nga Tân	Dịch vụ nông nghiệp	6	0	11	11	54	-	0	0,5
22	HTX NN Nga Bạch	Dịch vụ nông nghiệp	10	3	500	45	240	30	0	1,5
23	HTX NN Nga Hải	Dịch vụ nông nghiệp	28	8	540	93	449	7	0	0,5
24	HTX NN Nga Thành	Dịch vụ nông nghiệp- hoạt động tín dụng nội bộ	25	6	8.200	168	600	159	0	2
25	HTX NN Nga Điền	Dịch vụ nông nghiệp	27	0	1.479	170	1.113	12,8	0	1,8
26	HTX NN Nga Thủy	Dịch vụ nông nghiệp	43	16	570	500	136	62	0	1,5
27	HTX NN Thị Trấn									
II	Khối HTX Thương nghiệp		30	20	5.000	2.350	5.300	20	4	5
1	HTX Hoàng Thuyên	Dịch vụ vận tải và các mặt hàng nông sản	30	20	5.000	2.350	5.300	20	4	5
III	Khối quỹ tín dụng		51	25	511.194	14.933	24.837	3.741	355	23,9
1	Quỹ tín dụng nhân dân Thị Trấn	Kinh doanh các dịch vụ ngân hàng	18	8	200.000	8.000	6.000	2.000	100	4
2	Quỹ tín dụng nhân dân Nga Hải	Kinh doanh các dịch vụ ngân hàng	12	7	115.000	2.850	7.000	540	100	7
3	Quỹ tín dụng nhân dân Nga Mỹ	Kinh doanh các dịch vụ ngân hàng	11	5	99.194	320	6.337	751	80	7
4	Quỹ tín dụng nhân dân Nga Thành	Kinh doanh các dịch vụ ngân hàng	10	5	97.000	3.763	5.500	450	75	5,9
Tổng hợp			605	143	548.850	23.487	54.571	4.729	364,4	73,076

Ghi chú: (1) Vốn điều lệ là số vốn các thành viên hợp tác xã đã góp và được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NGA SƠN

Phụ lục 02

TỔNG HỢP XÃ ĐÃ ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐẠT NÔNG THÔN MỚI
(Kèm theo văn bản số: 332/UBND ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện)

Số TT	Tên xã đã được công nhận đạt nông thôn mới	Đã xây dựng hợp tác xã	Chưa xây dựng hợp tác xã	Trong đó nêu rõ	
				Nguyên nhân	Dự kiến thời gian xây dựng HTX (theo Quyết định 1415/2017/QĐ-UBND tỉnh Thanh Hóa)
1	Xã Nga Hưng	X			
2	Xã Nga Trung		X		
3	Xã Nga Yên		X		
4	Xã Nga Giáp		X		
5	Xã Nga Trường	X			
6	Xã Nga Phú		X		
7	Xã Nga Liên	X			
8	Xã Nga Thái	X			
9	Xã Nga Mỹ	X			
10	Xã Nga An		X		
11	Xã Nga Văn		X		
12	Xã Nga Thanh		X		
13	Xã Nga Lĩnh		X		
14	Xã Nga Hải	X			
15	Xã Nga Thành		X		

